

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 10 - 2019

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Quốc Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Trân

Ông Nguyễn Văn Quyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Quàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 76/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **LÊ THỊ NGỌC T**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: R33 đường T, phường A, thành phố R, tỉnh K.

- Bị đơn: Ông **SU TAM A**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: 1136 P St, M, TN 38122, USA.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2019, bản tự khai ngày 06/6/2019 bà Lê Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Su Tam A tự tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn, có tổ chức lễ cưới, được Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 23 tháng 02 năm 2018. Sau khi cưới chung sống không được bao lâu ông Su Tam A

trở về Hoa Kỳ, ông bà thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại. Nhưng bà nhận thấy ông Su Tam A không còn quan tâm đến bà, ông không điện thoại, chỉ chờ bà điện hỏi thăm nhưng hiện nay ông Su Tam A chặn số máy của bà nên giữa bà và ông Su Tam A không liên lạc được. Xét thấy tình cảm hai bên không còn và không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Su Tam A.
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông SU TAM A: Sau khi thụ lý vụ án, ngày 20/5/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của nước Hoa Kỳ để giao Thông báo thụ lý vụ án, đồng thời lấy lời khai của ông Su Tam A theo địa chỉ do bà Trinh cung cấp tại 1136 P St, M, TN 38122, USA về việc bà T xin ly hôn với ông Su Tam A theo quy định của pháp luật. Tòa án nhận được Công hàm số 1650/CH-BTP ngày 04/7/2019 thể hiện Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kính đề nghị Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp nói trên của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và gửi kết quả về Bộ Tư pháp trong thời gian sớm nhất.

Trong văn bản cần tổng đạt cho bị đơn ông Su Tam A gồm Thông báo thụ lý vụ án số 28/TB-TLVA ngày 10/5/2019, Tòa án đã ấn định thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 31/12/2019 (nếu vắng mặt); thời gian mở lại phiên họp lần 2 vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 04/02/2020; Thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án lần 1 vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 10/3/2020 (nếu vắng mặt); Thời gian mở lại phiên tòa lần 2 để xét xử vụ án vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 10/4/2020. Địa điểm: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Đến ngày 12/8/2019, bị đơn ông Su Tam A đã có văn bản tự khai, thừa nhận lời trình bày của bà Lê Thị Ngọc Trinh là đúng, ông cũng yêu cầu Tòa án giải quyết như sau :

- Về hôn nhân: Cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc T.
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông có đơn xin xét xử vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên tòa xét xử vụ việc đề ngày 13/8/2019.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Về thẩm quyền xét xử, do vụ án có đương sự ông Su Tam A là người nước ngoài, nên Tòa án nhân

dân tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T: Do bà T và ông Su Tam A mất liên lạc đã lâu, ông bà không có thời gian chung sống, hôn nhân không đạt được mục đích, không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân, nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung, tài sản chung, nợ chung các bên không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Su Tam A đã được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của nước Hoa Kỳ thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 11 và 13 Luật tương trợ tư pháp và Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại được thông qua ngày 15/11/1965 và có hiệu lực kể từ ngày 10/02/1969. Tòa án nhận được Công hàm số 1650/CH-BTP ngày 04/7/2019 thể hiện Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kính đề nghị Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp nói trên của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và gửi kết quả về Bộ Tư pháp trong thời gian sớm nhất.

Trong văn bản cần tổng đạt cho bị đơn ông Su Tam A gồm Thông báo thụ lý vụ án số 28/TB-TLVA ngày 10/5/2019, Tòa án đã ấn định thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 31/12/2019 (nếu vắng mặt); thời gian mở lại phiên họp lần 2 vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 04/02/2020; Thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án lần 1 vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 10/3/2020 (nếu vắng mặt); Thời gian mở lại phiên tòa lần 2 để xét xử vụ án vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 10/4/2020. Địa điểm: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Tuy nhiên, trong thời gian đợi kết quả Ủy thác tư pháp, ngày 12/8/2019 bị đơn ông Su Tam A đã có văn bản ý kiến về việc bà Lê Thị Ngọc T xin ly hôn với ông, ông thừa nhận lời trình bày của bà Lê Thị Ngọc T là đúng, ông cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc T; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông có đơn xin xét xử vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên tòa xét xử vụ việc đề ngày 13/8/2019.

Như vậy, bà Lê Thị Ngọc T, ông Su Tam A đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Lê Thị Ngọc T và ông Su Tam A là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn, được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/02/2018 theo đúng quy định tại Điều 8, 9 Bộ luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn giữa bà T và ông Su Tam A là do sau khi kết hôn ông Su Tam A trở về Hoa Kỳ, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, ông Su Tam A không quan tâm đến bà và chặn số điện thoại nên giữa bà và ông Su Tam A mất liên lạc với nhau. Nay xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được giữa bà Lê Thị Ngọc T và ông Su Tam A đã thống nhất ly hôn.

Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Su Tam A lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Lê Thị Ngọc T được ly hôn với ông Su Tam A.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Su Tam A đều khẳng định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[4] Chi phí tố tụng khác: Bà Lê Thị Ngọc T đã nộp xong lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0036741 ngày 06/6/2018 của Cục Thi hành dân sự tỉnh Kiên Giang; 95 USD chuyển vào tài khoản của Công ty ABC Legal Services để thực hiện ủy thác tư pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 16 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

- Phần tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc T được ly hôn với ông Su Tam A.
2. Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Su Tam A không có con chung, nên không xem xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Su Tam A không có tài sản chung, nợ chung, nên không xem xét.
4. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc T nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0001375 ngày 03/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.
5. Chi phí tố tụng khác: Bà Lê Thị Ngọc T đã nộp xong lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0036741 ngày 06/6/2018 của Cục Thi hành dân sự tỉnh Kiên Giang; 95 USD chuyển vào tài khoản của Công ty ABC Legal Services để thực hiện ủy thác tư pháp.
6. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Riêng ông Su Tam A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.
7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Quốc Chiến

